

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1169/2025/DS-ST

Ngày: 26/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Lợi;
- Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án Khu Vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Khu Vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1341/2025/TLST-DS ngày 30/5/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 984/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2251/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: 266-268 đường N, phường X, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: 16/3 đường N, phường A, TP. Hồ Chí Minh – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(theo văn bản ủy quyền số 1429/2025/UQ-TT-XLN lập ngày 11/4/2025 của Ngân hàng thương mại cổ phần A).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Diễm L, sinh năm 1985 – (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 240 Đường K, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Bà Trần Thị Diễm L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/6/2022, Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000112550 ngày 03/8/2022, Giấy đề nghị

kiêm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000174211 ngày 20/12/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kèm giấy nhận nợ số LD0000218723 ngày 23/3/2023 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể như sau:

- Loại thẻ Visa; Số thẻ: 472074-5840; Hạn mức 250.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 20/6/2022; Lãi suất áp dụng: 2.77%;

- Loại thẻ: SacombankPay; Số thẻ: 211251-0523; Hạn mức 250.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 03/8/2022; Lãi suất áp dụng: 2.36%;

- Loại thẻ: SacombankPay; Số thẻ: 211251-6932; Hạn mức 250.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 20/12/2022; Lãi suất áp dụng: 2.74%;

- Loại thẻ: SacombankPay; Số thẻ: 211251-4657; Hạn mức 250.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 23/3/2023; Lãi suất áp dụng: 2.75%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 259.544.967 đồng (trong đó bao gồm thẻ tín dụng số 211251-0523 có tổng số tiền giao dịch là 11.300.000 đồng, thẻ tín dụng số 211251-6932 có tổng số tiền giao là 48.000.000 đồng, thẻ tín dụng số 211251-4657 có tổng số tiền giao là 100.000.000 đồng và thẻ tín dụng số 472074-5840 có tổng số tiền giao là 100.244.967).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 153.255.197 đồng (gồm thẻ tín dụng số 211251-0523 thanh toán được 45.350.682 đồng, thẻ tín dụng số 211251-6932 thanh toán được 16.720.000 đồng, thẻ tín dụng số 211251-4657 thanh toán được 18.400.036 đồng và thẻ tín dụng số 472074-5840 thanh toán được 72.784.479 đồng), thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là căn cứ theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 26/9/2025) bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 465.959.883 đồng (trong đó nợ gốc là 265.581.033 đồng và tiền nợ lãi là 200.378.850 đồng).

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu bà L phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên bà L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các điều khoản hai bên đã thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng tín dụng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trần Thị Diễm L phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 465.959.883 đồng (trong đó nợ gốc là 265.581.033 đồng và tiền nợ lãi là 200.378.850 đồng).

- Buộc bà Trần Thị Diễm L phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, tính từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng đã ký giữa các bên.

(2) Bị đơn bà Trần Thị Diễm L không hợp tác khi được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện, bà L liên tục vắng mặt không có lý do, khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn bà Trần Thị Diễm L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn Bình có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát Khu Vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn bà Trần Thị Diễm L vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ Điều 227, Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với bà Trần Thị Diễm L phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Kết quả xác minh và tra cứu thông tin cá nhân của bị đơn bà Trần Thị Diễm L, sinh ngày 10/01/1985, số căn cước 0451xxx00190 trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Căn cứ vào địa chỉ của bị đơn cung cấp trên các Hợp đồng tín dụng giao kết với nguyên đơn. Xác định, bà Trần Thị Diễm L đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú tại địa chỉ 240 Đường K, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu Vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Diễm L tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/6/2022, Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000112550 ngày 03/8/2022, Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000174211 ngày 20/12/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000218723 ngày 23/3/2023 - các tài liệu này được gọi

chung là Hợp đồng), giữa bà Trần Thị Diễm L với Ngân hàng thương mại cổ phần A là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ Hợp đồng đã giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định: Bà Trần Thị Diễm L được Ngân hàng thương mại cổ phần A cấp 04 thẻ tín dụng có cùng hạn mức sử dụng thẻ là 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo điều chỉnh của ngân hàng tương ứng từng giai đoạn thanh toán (lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn), với cùng mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân, cụ thể như sau: Loại thẻ Visa có số thẻ 472074-5840 được cấp theo hợp đồng ký ngày 20/6/2022; Loại thẻ SacombankPay có số thẻ 211251-0523 được cấp theo hợp đồng ký ngày 03/8/2022; Loại thẻ SacombankPay có số thẻ 211251-6932 được cấp theo hợp đồng ký ngày 20/12/2022; Loại thẻ: SacombankPay có số thẻ 211251-4657 được cấp theo hợp đồng ký ngày 23/3/2023.

- Đối với loại thẻ tín dụng Visa số thẻ 472074-5840 tính đến ngày 26/9/2025, bà Trần Thị Diễm L đã thực hiện các giao dịch của thẻ tín dụng với tổng số tiền là 100.244.967 đồng, nợ tiền lãi trễ hạn là 558.654 đồng, lãi vượt hạn mức là 00 đồng, nợ tiền phí sử dụng thẻ tín dụng thực hiện các giao dịch là 598.000 và tiền lãi phát sinh giữa các kỳ thanh toán là 29.689.744 đồng, tổng cộng là 131.091.365 đồng. Bà Trần Thị Diễm L đã thanh toán tổng số tiền là 72.784.479 đồng, còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền là 58.306.886 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 32.731.031 đồng và nợ tiền lãi là 25.575.855 đồng).

- Đối với loại thẻ tín dụng SacombankPay số thẻ 211251-0523 tính đến ngày 26/9/2025, bà Trần Thị Diễm L đã thực hiện các giao dịch của thẻ tín dụng với tổng số tiền là 113.000.000 đồng, nợ tiền lãi trễ hạn là 388.720 đồng, lãi vượt hạn mức là 00 đồng, nợ tiền phí sử dụng thẻ tín dụng thực hiện các giao dịch là 00 đồng và tiền lãi phát sinh giữa các kỳ thanh toán là 89.851.194 đồng, tổng cộng là 203.239.914 đồng. Bà Trần Thị Diễm L đã thanh toán tổng số tiền là 45.350.682 đồng, còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền là 157.889.232 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 93.802.038 đồng và nợ tiền lãi là 64.087.194 đồng).

- Đối với loại thẻ tín dụng SacombankPay số thẻ 211251-6932 tính đến ngày 26/9/2025, bà Trần Thị Diễm L đã thực hiện các giao dịch của thẻ tín dụng với tổng số tiền là 48.000.000 đồng, nợ tiền lãi trễ hạn là 320.000 đồng, lãi vượt hạn mức là 00 đồng, nợ tiền phí sử dụng thẻ tín dụng thực hiện các giao dịch là 00 đồng và tiền lãi phát sinh giữa các kỳ thanh toán là 43.165.797 đồng, tổng cộng là 91.485.797 đồng. Bà Trần Thị Diễm L đã thanh toán tổng số tiền là 16.720.000 đồng, còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền là 74.765.797 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 41.680.000 đồng và nợ tiền lãi là 33.085.797 đồng).

- Đối với loại thẻ tín dụng SacombankPay số thẻ 211251-4657 tính đến ngày 26/9/2025, bà Trần Thị Diễm L đã thực hiện các giao dịch của thẻ tín dụng với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, nợ tiền lãi trễ hạn là 368.000 đồng, lãi vượt hạn mức là 00 đồng, nợ tiền phí sử dụng thẻ tín dụng thực hiện các giao dịch là 00 đồng và tiền lãi phát sinh giữa các kỳ thanh toán là 93.030.004 đồng, tổng cộng là 193.389.004 đồng.

Bà Trần Thị Diễm L đã thanh toán tổng số tiền là 18.400.036 đồng, còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền là 174.997.968 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 97.367.964 đồng và nợ tiền lãi là 77.630.004 đồng).

Nhận thấy, Ngân hàng thương mại cổ phần A đã chuyển khoản nợ của các thẻ tín dụng đã cấp cho bà Trần Thị Diễm L sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 26/9/2025), bà Trần Thị Diễm L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 465.959.883 đồng (trong đó nợ gốc là 265.581.033 đồng và tiền nợ lãi là 200.378.850 đồng). Xét thấy, bị đơn bà Trần Thị Diễm L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần A. Do vậy, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 27/9/2025), cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Diễm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 91, 95, 96 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Trần Thị Diễm L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 465.959.883 đồng (trong đó nợ gốc là 265.581.033 đồng và tiền nợ lãi là 200.378.850 đồng).

- Kể từ ngày 27/9/2025, bà Trần Thị Diễm L còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/6/2022, Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000112550 ngày 03/8/2022, Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000174211 ngày 20/12/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000218723 ngày 23/3/2023), cho đến khi bà Trần Thị Diễm L thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 22.638.395 đồng, buộc bà Trần Thị Diễm L phải chịu và nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 10.069.378 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu: BLTU/25P và số 0000258 ngày 30/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên